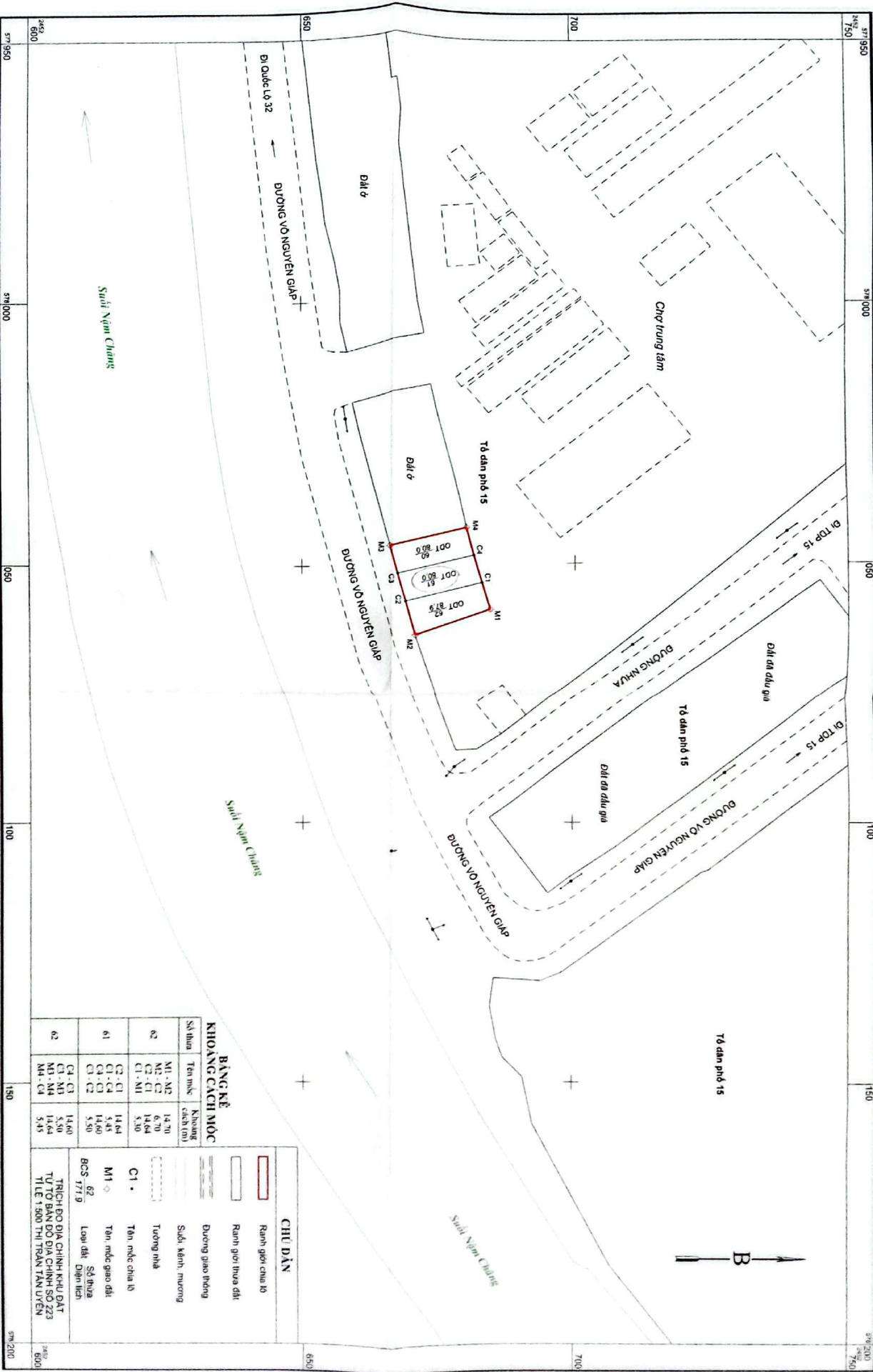


THỊ TRẦN TÂN UYÊN

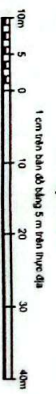
MÃNH TRÍCH ĐỒ ĐỊA CHÍNH
HỆ TỌA ĐỘ VN 2000, TỌA ĐỘ PHỐ 15, TỜ SỐ 223 (45A 578 - 4 (05))



Ngày 25 tháng 7 năm 2022
Đơn vị đo đạc: Công ty CP ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ngày 21 tháng 7 năm 2022
Đơn vị kiểm tra:
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

TỶ LỆ 1:500



BẢNG KẾ		
KHOẢNG CÁCH MỐC		
Số thửa	Tên mốc	Khoảng cách (m)
62	M1 - M2	14.70
62	N2 - C2	6.70
62	C2 - C1	14.64
62	C1 - M1	5.30
61	C2 - C1	14.64
61	C1 - C4	5.50
61	C4 - C3	14.60
61	C3 - C2	5.50
62	C4 - C1	14.60
62	M3 - M4	14.64
62	M4 - C4	5.45

CHỈ DẪN	
	Ranh giới thửa đất
	Ranh giới thửa đất
	Đường giao thông
	Suối, kênh, mương
	Tường nhà
	Tên mốc chôn đặt
	Tên mốc giao đất
	Số thửa
	Loại đất
	Diện tích

TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT
TỪ TỜ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH SỐ 223
TỈ LỆ 1:5000 THỊ TRẦN TÂN UYÊN

Xác nhận đo và ghi hợp hiện trạng
Ngày 25 tháng 7 năm 2022
UBND thị trấn Tân Uyên
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ngày 21 tháng 7 năm 2022
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Cường



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Cường



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Cường



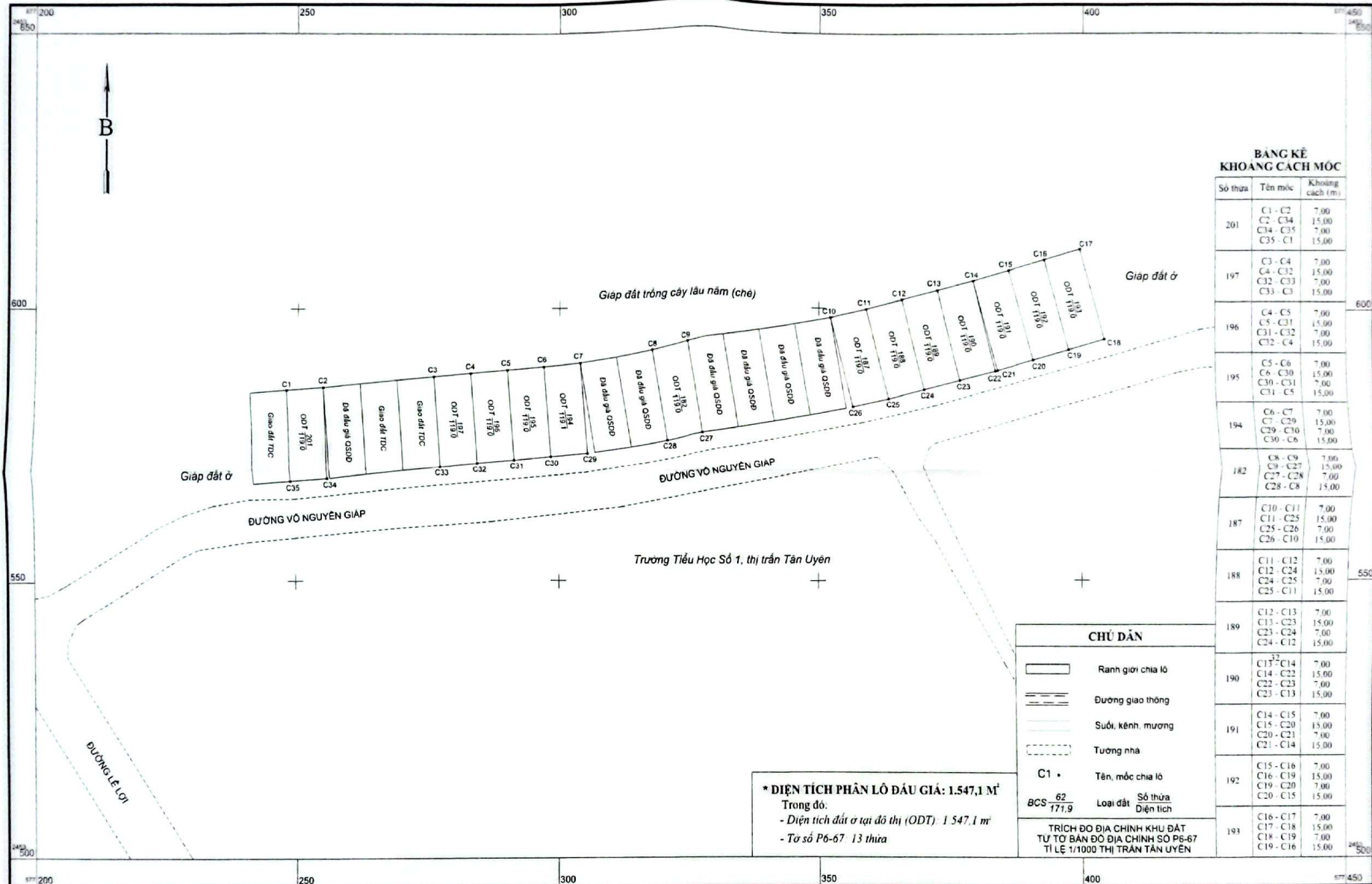
THỦ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Cường

THỊ TRẤN TÂN UYÊN

MÃNH TRÍCH ĐỒ ĐỊA CHÍNH

HỆ TỌA ĐỘ VN - 2000, TỜ BẢN PHỒ SỔ 21, THỊ TRẤN TÂN UYÊN, TỜ SỐ P6-67 (454396-1-b)

TỈNH LAI CHÂU - HUYỆN TÂN UYÊN



**BẢNG KÊ
KHOẢNG CÁCH MỐC**

Số thửa	Tên mốc	Khoảng cách (m)
201	C1 - C2	7,00
	C2 - C34	15,00
	C14 - C35	7,00
	C35 - C1	15,00
197	C3 - C4	7,00
	C4 - C32	15,00
	C32 - C33	7,00
	C33 - C3	15,00
196	C4 - C5	7,00
	C5 - C31	15,00
	C31 - C32	7,00
	C32 - C4	15,00
195	C5 - C6	7,00
	C6 - C30	15,00
	C30 - C31	7,00
	C31 - C5	15,00
194	C6 - C7	7,00
	C7 - C29	15,00
	C29 - C30	7,00
	C30 - C6	15,00
182	C8 - C9	7,00
	C9 - C27	15,00
	C27 - C28	7,00
	C28 - C8	15,00
187	C10 - C11	7,00
	C11 - C25	15,00
	C25 - C26	7,00
	C26 - C10	15,00
188	C11 - C12	7,00
	C12 - C24	15,00
	C24 - C25	7,00
	C25 - C11	15,00
189	C12 - C13	7,00
	C13 - C23	15,00
	C23 - C24	7,00
	C24 - C12	15,00
190	C13 - C14	7,00
	C14 - C22	15,00
	C22 - C23	7,00
	C23 - C13	15,00
191	C14 - C15	7,00
	C15 - C20	15,00
	C20 - C21	7,00
	C21 - C14	15,00
192	C15 - C16	7,00
	C16 - C19	15,00
	C19 - C20	7,00
	C20 - C15	15,00
193	C16 - C17	7,00
	C17 - C18	15,00
	C18 - C19	7,00
	C19 - C16	15,00

*** DIỆN TÍCH PHÂN LÔ ĐẦU GIÁ: 1.547,1 M²**
 Trong đó:
 - Diện tích đất ở tại đô thị (ODT): 1.547,1 m²
 - Tờ số P6-67 13 thửa

CHỦ DẪN

— Ranh giới chia lô

— Đường giao thông

— Suối, kênh, mương

--- Tường nhà

C1 • Tên, mốc chia lô

BCS - 62 / 171.9

Loại đất

Số thửa

Diện tích

TRÍCH ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

TỰ TỜ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH SỐ P6-67

TỈ LỆ 1/1000 THỊ TRẤN TÂN UYÊN

Ngày 15 tháng 5 năm 2022
 Đơn vị đo đạc: Công ty CP ứng dụng công nghệ TN&MT
 (Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



Ngày 15 tháng 5 năm 2022
 Đơn vị kiểm tra
 (Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



Xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng
 Ngày 15 tháng 5 năm 2022
 UBND thị trấn Tân Uyên
 (Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

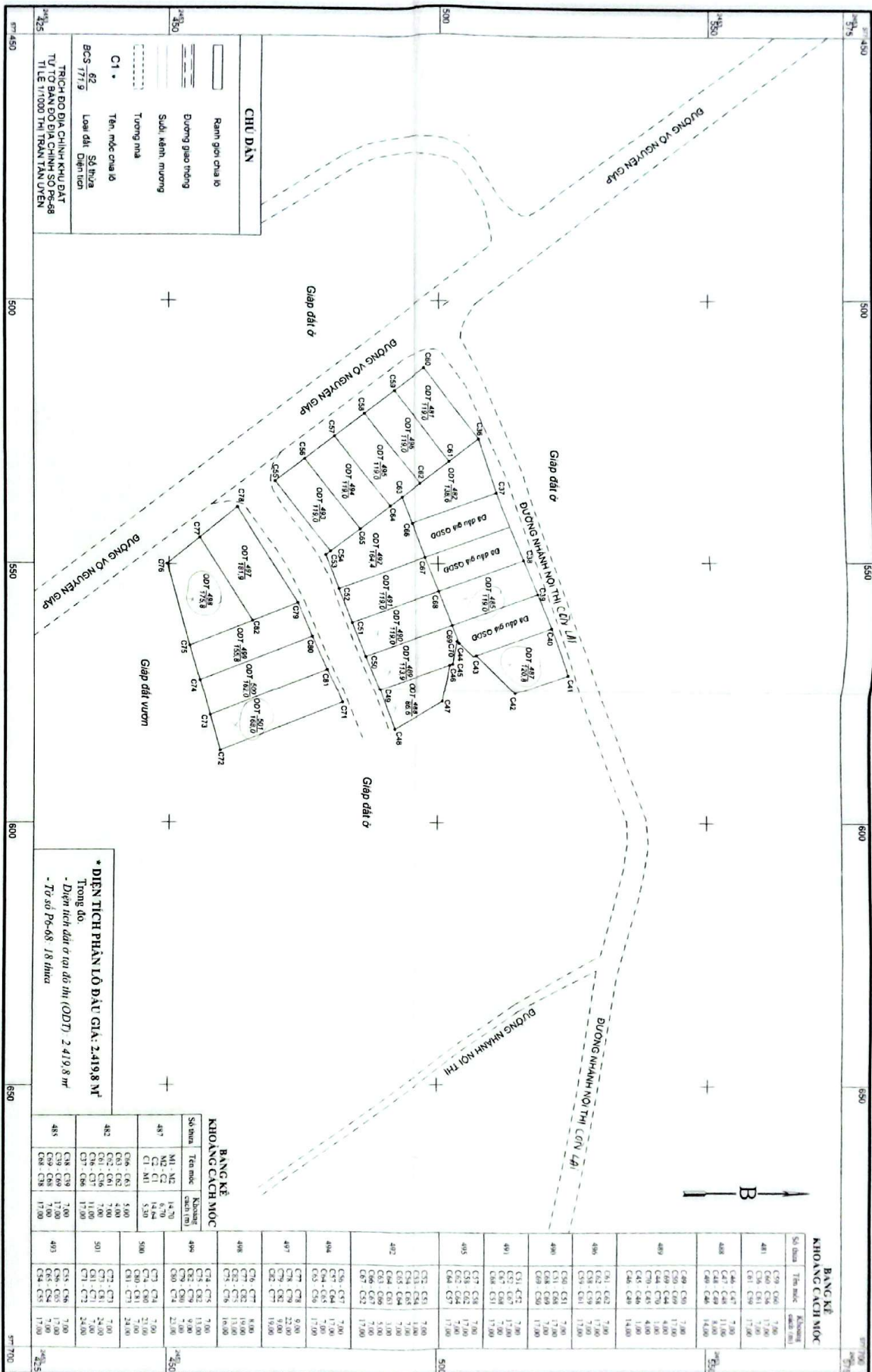


Ngày 15 tháng 5 năm 2022
 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu
 (Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



THỊ TRẦN TÂN UYÊN

MÃNH TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH



Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 15 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

BẢNG KẾ KHUANG CÁCH MỐC

Số thửa	Tên mốc	Khuang cách (m)
485	M1, M2	14,70
486	M3, M4	14,70
487	M5, M6	14,70
488	M7, M8	14,70
489	M9, M10	14,70
490	M11, M12	14,70
491	M13, M14	14,70
492	M15, M16	14,70
493	M17, M18	14,70
494	M19, M20	14,70
495	M21, M22	14,70
496	M23, M24	14,70
497	M25, M26	14,70
498	M27, M28	14,70
499	M29, M30	14,70
500	M31, M32	14,70
501	M33, M34	14,70
502	M35, M36	14,70
503	M37, M38	14,70
504	M39, M40	14,70
505	M41, M42	14,70
506	M43, M44	14,70
507	M45, M46	14,70
508	M47, M48	14,70
509	M49, M50	14,70
510	M51, M52	14,70
511	M53, M54	14,70
512	M55, M56	14,70
513	M57, M58	14,70
514	M59, M60	14,70
515	M61, M62	14,70
516	M63, M64	14,70
517	M65, M66	14,70
518	M67, M68	14,70
519	M69, M70	14,70
520	M71, M72	14,70
521	M73, M74	14,70
522	M75, M76	14,70
523	M77, M78	14,70
524	M79, M80	14,70
525	M81, M82	14,70
526	M83, M84	14,70
527	M85, M86	14,70
528	M87, M88	14,70
529	M89, M90	14,70
530	M91, M92	14,70
531	M93, M94	14,70
532	M95, M96	14,70
533	M97, M98	14,70
534	M99, M100	14,70

* DIỆN TÍCH PHẦN LỒ ĐẦU GIÁ: 2.419,8 m²
- Diện tích đất ở tại địa chỉ (ODT) 2.419,8 m²
- Từ số PG-68/18 thửa

TỶ LỆ 1:500
1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 15 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)

Ngày 12 tháng 3 năm 2022
Đem v bản đồ địa chính ứng dụng công nghệ TNAMT
(Ký, ghi rõ họ và tên đóng dấu)